**Bài 4: CACBOHYDRAT VÀ LIPIT**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

* Liệt kê được tên các loại đường có trong cơ thể sinh vật.
* Trình bày được chức năng của từng loại đường trong cơ thể sinh vật.
* Liệt kê được tên các loại lipit có trong cơ thể sinh vật.
* Trình bày được chức năng của từng loại lipit trong cơ thể sinh vật.

**2. Kĩ năng**

* Phân tích cấu trúc các loại đường.
* Đọc và tóm tắt được các nội dung trong sách giáo khoa.

**3. Thái độ**

- Yêu thích môn học.

- Quan tâm đến vấn đề sử dụng đường của cá nhân và gia đình.

**4. Định hướng phát triển năng lực**

|  |  |
| --- | --- |
| **Năng lực chung** | |
| **Nhóm năng lực** | **Năng lực thành phần** |
| **Tự học** | * Tìm hiểu thêm về vai trò của các loại đường có trong cơ thể. * Lên kế hoạch tự học phù hợp. * Tìm hiểu thêm về đường sữa, đường mật, đường quả. |
| **Phát hiện và giải quyết vấn đề** | * Phân biệt được các loại đường đơn, đôi, đa. |
| **Tư duy** | * Tư duy giải thích cấu trúc liên quan với chức năng của các loại đường. * Phát hiện mối liên quan giữa ăn nhiều đường với các bệnh lý. |
| **Giao tiếp hợp tác** | * Trao đổi, trình bày, tổng hợp kiến thức khi trao đổi bài với bạn, giáo viên. * Trình bày những thắc mắc, khó khăn xảy ra trong quá trình học tập để được hỗ trợ. |
| **Sử dụng CNTT** | * Sử dụng internet để tìm hiểu 1 số kiến thức mở rộng theo yêu cầu của giáo viên và nhu cầu tự học. |
| **Năng lực chuyên biệt** | |
| * Hình thành năng lực tự học hỏi để bảo vệ sức khỏe. * Hình thành suy nghĩ, hành động ăn uống lành mạnh. | |

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**

- Giáo án tiết 6.

- Kiến thức mở rộng về vai trò của đường với sức khỏe.

**2. Học sinh**

* Sách giáo khoa.
* Bài 4 đọc trước.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

* + - 1. **Kiểm tra bài cũ**
* Có các nguyên tố nào cấu tạo nên sự sống? Phân loại.
* Nước có vai trò gì với tế bào?
  + - 1. **Hoạt động khởi động kết nối**

Các nguyên tố hóa học tham gia vào sự sống bằng cách cấu tạo nên các đại phân tử của tế bào 🡪 cacbohydrat.

**3. Hoạt động hình thành kiến thức**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Kiến thức** |
| **- Hoạt động 1:** tìm hiểu cấu trúc của đường.  **- Mục tiêu hoạt động**: HS mô tả được cấu trúc và phân loại các loại đường trong cơ thể sống. | | |
| * Giáo viên cho HS xem cấu trúc hóa học của 1 phân tử đường để HS chỉ ra các nguyên tố và nguyên tắc cấu tạo của đường.   - Chiếu cho HS xem các loại đường đơn phổ biến, có các loại đường nào (theo số lượng đơn phân)? | - H, C, O; nguyên tắc đa phân.  - Đường đơn, đôi, đa. Cho VD. | **I**. **Cacbohiđrat (Đường)**  **1. Cấu trúc hoá học**  - Cacbohiđrat được cấu tạo từ 3 nguyên tố C, H, O, theo nguyên tắc đa phân, đơn phân là đường từ 3 đến 7 C, phổ biến nhất là đường 5C (ribozo, đeoxiribozo) 6 C (glucozo, fructozo, galactozo).  - Có 3 loại cacbohiđrat:  + Đường đơn (mônôsaccarit): cấu tạo từ 1 đơn phân như: glucozo, fructozo, galactozo  + Đường đôi: gồm 2 phân tử đường đơn liên kết với nhau bằng mối liên kết glicôzit: đường mía (saccarôzơ), mạch nha, lactôzơ, mantôzơ  + Đường đa: rất nhiều phân tử đường đơn liên kết với nhau: xenlulôzơ, tinh bột, glicôgen, kitin… |
| **- Hoạt động 2:** tìm hiểu vai trò của đường.  - **Mục tiêu hoạt động**: HS liệt kê được các vai trò của đường đối với sự sống. | | |
| - Chiếu hình minh họa chức năng của cacbohydrat🡪 yêu cầu HS trình bày từng chức năng.   * Vậy trong thực tế, chúng ta ăn càng nhiều đường càng tốt cho sức khỏe đúng không? Giải thích. | - Quan sát hình và trả lời về các chức năng của đường.  - Không nên ăn nhiều đường vì sẽ làm cơ thể dư đường 🡪 béo phì, tiểu đường. | **2. Chức năng của cacbohiđrat**  - Nguồn năng lượng dự trữ cho TB và cơ thể  - Cấu tạo nên TB và các bộ phận của cơ thể  - Vận chuyển các chất qua MSC |
| **- Hoạt động 3:** tìm hiểu đặc điểm chung của lipit.  - **Mục tiêu hoạt động**: HS liệt kê được các đặc điểm chung của lipit. | | |
| - Chiếu hình phân tử lipit, hỏi: thành phần cấu tạo và nguyên tắc cấu tạo lipit có giống cacbohydrat không?  - Cho HS xem thí nghiệm lipit trong nước, yêu cầu HS rút ra nhận xét. | - Không. Thành phần phức tạp, không theo nguyên tắc đa phân.   * Không tan trong nước. | **II. Lipit:**   1. **Đặc điểm chung**   - Kị nước  - Không được cấu tạo theo nguyên tắc đa phân.  - Thành phần hoá học đa dạng. |
| **Hoạt động 4:** tìm hiểu cấu trúc và vai trò của lipit.  - **Mục tiêu hoạt động**: HS liệt kê được các vai trò của lipit đối với sự sống. | | |
| * Tổ chức hoạt động nhóm:   + 4 tổ tương đương 4 nhóm  + Thời gian 5p  + Nhiệm vụ tìm hiểu cầu tạo và chức năng của các loại lipit, mỗi nhóm 1 loại.  - Gọi HS nhận xét bổ sung. | - Hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV. |  |
|  | **Cấu tạo** | **Chức năng** |
| **Mỡ** | Gồm 1 phân tử glixêrôl liên kết với 3 axit béo (16 -18nguyên tử C).  - Axit béo no: có trong mỡ ĐV.  - Axit béo không no: có trong TV, 1 số loài cá. | Dự trữ năng lượng cho tế bào. |
| **Phôtpholipit** | Gồm 1 phân tử glixêrôl liên kết với 2 axit béo và 1 nhóm phôtphat. | Tạo nên các loại màng tế bào. |
| **Stêrôit** | Chứa các nguyên tử kết vòng. | Cấu tạo nên màng sinh chất và 1 số hoocmôn. |
| **Sắc tố - Vitamin** | Vitamin là phân tử hữu cơ nhỏ.  Sắc tố carôtenoit là sắc tố QH. | Tham gia vào mọi hoạt động sống của cơ thể |

**4. Hoạt động luyện tập**

Yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1 trang 22 sách giáo khoa.

**5. Hoạt động vận dụng tìm tòi, mở rộng**

- Phân biệt các loại đường trong sữa, trái cây và mật ong.

- Trong bữa ăn hàng ngày, có các món ăn nào cung cấp đường cho cơ thể?

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**NHẬN XÉT CỦA TỔ TRƯỞNG**

*Cà Mau, ngày tháng năm 20*

Ký duyệt của Tổ trưởng

**Hồng Thị Kiều Linh**

**KÝ DUYỆT**